

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 975/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2020.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 649/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc H, sinh năm: 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Số 56 đường G, Tổ 16, ấp P, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Tống Văn L, sinh năm: 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Số 56 đường G, Tổ 16, ấp P, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/5/2020, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc H trình bày:

Tôi và ông Tống Văn L tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/11/2001.

Những năm đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã do ông L ngoại tình với em dâu, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2017, mâu thuẫn đến mức không thể cứu vãn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, tôi yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung có 03 con tên: Tống Trần Đại N, sinh ngày: 01/4/1996 (đã trưởng thành); Tống Thị Quỳnh H1, sinh ngày: 24/10/1998 (đã trưởng thành); Tống Trần Trung N1, sinh ngày: 31/7/2013. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trung N1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Tại phiên tòa ông Tống Văn L trình bày:

Tôi thống nhất lời trình bày của bà H về điều kiện, thời gian kết hôn còn mâu thuẫn vợ chồng là do bà H hiểu lầm tôi chứ tôi không có ngoại tình. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ con.

Về con chung có 03 con tên: Tống Trần Đại N, sinh ngày: 01/4/1996 (đã trưởng thành); Tống Thị Quỳnh H1, sinh ngày: 24/10/1998 (đã trưởng thành); Tống Trần Trung N1, sinh ngày: 31/7/2013. Nếu phải ly hôn, tôi đồng ý giao trẻ Trung N1 cho bà H nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Tôi đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa ông bà Trần Ngọc H và ông Tống Văn L là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Tống Văn L hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Tống Văn L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Ngọc H và ông Tống Văn L chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 88, quyển số: 01 ngày 16/11/2001 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã do tính tình không hợp, ông L ngoại tình với em dâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể cứu vãn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L trình bày vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì bà H hiểu lầm nên ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Bà H và ông L đã ly thân từ tháng 11/2019, đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử phân tích, hòa giải nhưng bà H vẫn thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với ông L. Ông L cho rằng còn thương vợ không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện sự tự nguyện đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, thiết nghĩ cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn ông L của bà H.

[4] Về con chung 03 con tên: Tống Trần Đại N, sinh ngày: 01/4/1996 (đã trưởng thành); Tống Thị Quỳnh H1, sinh ngày: 24/10/1998 (đã trưởng thành); Tống Trần Trung N1, sinh ngày: 31/7/2013. Bà H yêu cầu được nuôi trẻ Tống Trần Trung N1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên Tòa ông L đồng ý giao con chung tên Tống Trần Trung N1 cho bà H nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con, đồng thời trẻ Trung N1 có bản tự khai nêu nguyện vọng được ở với mẹ và hiện tại trẻ Trung N1 đang sống cùng mẹ. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên giao trẻ Trung N1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông L cho đến khi bà H có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ bà H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc H là được ly hôn với ông Tống Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 88, quyền số: 01 ngày 16/11/2001 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Ngọc H và ông Tống Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 03 con tên: Tống Trần Đại N, sinh ngày: 01/4/1996 (đã trưởng thành); Tống Thị Quỳnh H1, sinh ngày: 24/10/1998 (đã trưởng thành); Tống Trần Trung N1, sinh ngày: 31/7/2013.

Giao trẻ Tống Trần Trung N1 cho bà Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Ngọc H phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0084117 ngày 23/6/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc